

XÃ HỘI HỌC VÀ LỊCH SỬ

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY MẤT CỦA NGUYỄN THÔNG (1884-1984)

L.T.S. Năm nay tỉnh Thuận Hải cùng một số viện thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày mất của nhà trí thức yêu nước Nguyễn Thông (1827-1884)

Nguyễn Thông không phải là một nhà xã hội học với nội dung hiện đại của khái niệm này. Nhưng, trong suốt cuộc đời hoạt động, Nguyễn Thông đã gắn mình với cuộc sống xã hội hằng ngày, không ngừng điều tra, nghiên cứu về tình hình cụ thể của nhân dân, tìm hiểu những biện pháp có hiệu quả nhất nhằm cải thiện mọi mặt kinh tế và xã hội của đất nước. Một lần nữa, lịch sử đã chứng minh rằng người trí thức yêu nước chỉ có thể góp phần tích cực của mình khi họ gắn mình với vận mệnh của Tổ quốc và nhân dân, khi họ hiểu biết sâu sắc và cụ thể về các mặt của đời sống xã hội.

Với tinh thần trên, Tạp chí Xã hội học giới thiệu bài viết sau đây của đồng chí Nguyễn Lộc.

NHÀ THƠ NGUYỄN THÔNG NHÌN Ở GÓC ĐỘ XÃ HỘI HỌC

NGUYỄN LỘC

XÉT ở góc độ sự gắn bó mật thiết với những vấn đề của dân tộc mình, của nhân dân mình, phải nói Nguyễn Thông là một trong những nhà thơ hết sức đáng chú ý của giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

Trong suốt cuộc đời long đong vất vả, Nguyễn Thông đã ngày đêm suy nghĩ về đời sống của nhân dân và vận mệnh của Tổ quốc. Tình cảm mãnh liệt này đã thể hiện sâu sắc qua toàn bộ thơ văn của ông. Thơ văn của ông cũng vì thế là sự phản ánh trung thành của đời sống xã hội và sự kết tinh phong phú tư tưởng xã hội và hành động xã hội của ông.

Ở Bình Thuận, cũng như sau này ra làm Bố chánh Quảng Ngãi, ở đâu ông cũng đem hết sức lực của mình ra làm những việc có ích cho dân, cho nước trong điều kiện xã hội cho phép. Ông tập hợp những người Nam Bộ chạy giặc sống rải rác khắp nơi ở Bình Thuận thành những tụ điểm để giúp đỡ họ làm ăn, sinh sống, “tuy phiêu bạt ở chốn tha hương mà vẫn có cái vui cùng nhau đoàn tụ” (*Bài ký về đền Ngụ Hiền*). Ở Quảng Ngãi, ông vận động nhân dân làm thủy lợi, trồng cây. Hiếm có một nhà

thơ nào như ông, trong thời kỳ phong kiến, mà dùng thơ ca không phải để ngâm họa vịnh nguyệt, không phải để tuyên truyền đạo đức, mà để *cổ động cho một công tác xã hội*. Ông có những bài thơ như *Khuyến cần nông* (Khuyên việc làm nông chăm chỉ); *Khuyến hưng cù* (Khuyên việc đắp đê); *Khuyến tài thực* (Khuyên việc trồng trọt)... Những nội dung này nếu viết bằng văn xuôi thì là chuyện bình thường, nhưng ở đây Nguyễn Thông viết bằng thơ. Ông biết rằng, với sức mạnh truyền cảm của thơ, hiệu quả xã hội của nó sẽ sâu rộng hơn. Đáng chú ý là Nguyễn Thông tỏ ra hiểu biết cụ thể về công việc cấy lúa: cấy lúa thì phải làm cỏ, phải giữ nước.

*Lập miêu yếu vân thảo,
Thảo trưởng miêu bất phi.
Nghieu điền yếu hộ thủy,
Thủy bạc điền bất nghi.
(Khuyến cần nông)*

(Cấy lúa thời cỏ phải cào,
Cỏ mà lên mạnh lúa nào tốt tươi.
Ruộng cạn, tát nước kịp thời,
Nước mà khô cạn, ruộng đời nào nên)

Đối với nông nghiệp, nhất là nông nghiệp trồng lúa nước, vấn đề thủy lợi có tầm quan trọng hàng đầu. Không giải quyết được thủy lợi, không đủ nước thì không làm sao có thể trồng cấy được.

*Cao điền thủy đi hạc,
Đệ điền thủy bất dinh.
(Khuyến hưng cù)*

(Ruộng cao nước dễ cạn đi
Ruộng thấp cũng chẳng mấy khi nước đầy)

Cho nên phải đào mương, phải đắp đập để giữ nước và tháo nước. Đó là một việc tốn nhiều công sức, nhân dân không tận lực để làm thì không bao giờ làm được. Không có thần linh nào cả, mà phải lao động bằng đôi bàn tay của mình, phải giải quyết cho dứt điểm:

*Cận sơn hữu tuyên mạch,
Cừ yển nghi tảo doanh.
Cử tháp tự thành vũ,
Khởi tất từ sơn linh.
Nhất lao khả cửu dật,
Tạm phi khả vĩnh ninh.
(Khuyến hưng cù)*

(Gân rùng khe chảy suốt ngày,
Đào mương đắp đập làm ngày đi nào!
Nhát mai xuống thành mưa rào,
Thần linh chi phải cúng cầu xa xôi.
Mệt một lúc, nghỉ dài lâu,
Tạm thời hao tốn, muôn đời thành thoi...)

Nguyễn Thông đề cao việc trồng lúa, nhưng ông cũng biết đất nước ta có nhiều vùng không thể trồng lúa, mà chỉ có thể trồng màu, và màu cũng là thức ăn quan trọng hàng ngày của nhân dân ta. Trồng màu có cái thuận lợi hơn lúa là chỗ nào cũng có thể trồng được, người nông dân có thể tận dụng mọi nơi mọi chỗ để trồng màu, nên ông cũng lại kêu gọi trồng màu.

*Thực cốc nãi chi kế.
Sơ quả diệp liệu ky (cơ)
Tường căn dữ điền bạn,
Khích địa gia cao chi.
Chủng đậu, đập lạp phi.
Chủng mạch, mạch lưỡng kỳ,
Phiên thụ tối nghi nhân...
(Khuyến tài thực)*

(Cây lúa là kẻ rất hay,
Mà trồng rau quả đỡ ngày đói cơm.
Bờ ruộng cho đến chân tường.
Mỡ màng tác đất tác vàng trời cho.
Trồng đậu thời quả đậu to.
Trồng ngô bắp lớn một dò nở hai
Sắn khoai cũng bỏ cho người...)

Một điều đáng cảm động là, trong những bài thơ kêu gọi nhân dân làm những công việc sản xuất có tính cách xã hội như thế, Nguyễn Thông không bao giờ đứng ở tư thế một ông quan “hiểu dụ”, “huấn thị” cho quần chúng, mà ông luôn luôn chia sẻ với họ những suy nghĩ của ông với tính cách là một người trong cuộc. Thơ “tuyên truyền” của Nguyễn Thông thấm đượm một tình cảm tương thân tương ái sâu sắc. Trong cả ba bài thơ phần kết thúc, ông đều nhắc lại một câu rất xúc động này: “*Ký ngữ ngã nông nhân*”, nghĩa là: “Mấy lời gửi bạn nhà nông của ta”. Và ông đã gửi gì đến cho họ? Ông ân cần khuyên họ: “Chớ moi gân một sức” (Vật đàn cần lực bì); “Có chí thì việc gì cũng thành” (Vật sử địa lợi di).

Trong cuộc đời mình, thời gian Nguyễn Thông sống ở Bình Thuận là giai đoạn quan trọng. Năm 1867, khi ba tỉnh miền Tây bị giặc chiếm lần đầu tiên ông ra sinh sống ở Bình Thuận, sau đó đi làm quan. Đến năm 1873, bị ốm, ông lại xin về nghỉ ở Bình Thuận. Những năm cuối đời, ông được đổi về làm việc ở Bình Thuận cho mãi

đến khi tắt thở. Phần lớn những sáng tác của Nguyễn Thông được viết lúc nhà thơ sống ở Bình Thuận, về sau được tập hợp lại trong tập thơ lấy tên là *Ngọa du sào* (Tổ nằm chơi). Đầu đề của tập thơ dễ gây cho người đọc ấn tượng nhà thơ là một người nhàn tản, ung dung. Nhưng hoàn toàn không phải như vậy. Có đọc kỹ *Ngọa du sào* mới thấy Nguyễn Thông gắn bó biết bao với quê hương đất nước.

Nguyễn Thông vốn là một người rất nặng tình với quê hương xứ sở. Từ lúc còn trẻ, đi học rồi đi làm, nhiều năm nhà thơ sống xa quê, vì vậy mỗi lần có người về quê là ông tìm cách để gặp gỡ, để tâm sự, để “Nhờ bạn hỏi thăm tin tức. Được yên ủi lúc cuối năm mà tôi còn ở xa chưa về được” (Bài *Tổng nhân chi Gia Định*). Mấy năm sau quê hương ông bị giặc chiếm, Nguyễn Thông trở thành con người “thiếu quê hương” ngay trên xứ sở quê hương mình. Cái nghịch cảnh ấy, nhà thơ đã nói đến trong sáng tác:

Đồ Nam tri hữu lộ

Nan lá đã sa phù!

(Hàm Thuận cảm hoài)

(Miền Nam vẫn thuộc đường về,

Tiếc thay khó mượn được bè lên sao!).

Nguyễn Thông có rất nhiều bài thơ nhớ quê hương trong *Ngọa du sào*. Nhưng đặc biệt cảm động là những bài ông viết lúc từ giã quê hương Nam Bộ để ra Bình Thuận. Đi mà không hẹn có ngày về, nên lòng nhà thơ càng đau đơn, chua xót:

Cảm thử cốt nhục thân,

Trung lộ hốt như di.

Áu tiểu hột tương tồn,

Lão giả thành vĩnh tù (từ)

Thất tức đặng biển chu,

Dương phạm tổ thủy nhi (nhai),

Lương tiêu khởi thiên mạt;

Lạc diệp từ cự chi..

(Thuật cảm)

(Tình cốt nhục nào ai chẳng có,

Mới nửa đường nở bỏ rời nhau.

Trẻ trung gặp gỡ có ngày,

Còn như già cả bằng nay già từ.

Chiếc thuyền nhỏ ngẩn ngơ dời bước,

Giương buồm theo dòng nước thẳng xuôi.

Lạnh lùng gió nổi chân trời.

Buồn trông chiếc lá phải rời cành xưa...)

Bài *Biệt vong đệ lữ phần* (Từ biệt mồ em chôn ở nơi đất khách) cũng một cảm xúc giống như thế. Trước kia, miền Đông bị giặc chiếm, ông bỏ lên miền Tây cùng

với gia đình của em. Bây giờ miền Tây giặc chiếm nốt, đứa em đã chết ông bỏ ra Bình Thuận một mình. Nghĩa nước tình nhà, việc chung và việc riêng, mọi cái đều dang dở.

Nhà thơ thấy mình có cái gì không phải trong việc ra đi, mà rồi vẫn phải cất bước ra đi, không làm sao khác được. Bài thơ buồn quặn thắt, sâu lắng. Những năm sau chiến tranh ác liệt, nên mỗi lần nghĩ đến quê nhà, ông lại nghĩ đến cảnh máu chảy đầu rơi, nghĩ chét chóc, tan nát, và ông xót xa như đứt từng khúc ruột. Trong bài *Thư hoài thị Dinh điền phó sứ Bùi Bá Xương* (Tả nỗi lòng đưa cho ông Dinh điền phó sứ Bùi Bá Xương), bài *Phụng họa Nguyễn Phạm nhị hiền “Gia Định cố thành” thư kí chi tác* (Kính họa bài thơ “Gia định cố thành” của hai ông họ Nguyễn và họ Phạm), ông nhắc lại khi thì “Bến Nghé không dung hóa thành chiến trường” (Nguru chữ vô đoan tác chiến trường khi thì “Gió đập mưa dồn nơi đám đất đầy máu chiến tranh. Cây bị lửa thiêu đốt chỉ còn những cành tàn” (Vũ hám phong chàng huyết chiến đội...Thụ đài tàn chi kinh khiếp hỏa). Nhiều nhà nghiên cứu gọi Nguyễn Thông là nhà thơ của tình thương nhớ quê hương, điều đó hoàn toàn có cơ sở.

Tình thương nhớ quê hương chính là động cơ đã thôi thúc Nguyễn Thông suốt đời suy nghĩ và hoạt động vì Tổ quốc và đồng bào. Thiếu động cơ ấy, một nhà thơ chỉ có thể là một người chơi chữ. Nhưng với động cơ ấy, nhà thơ nhất thiết phải bám sát đời sống xã hội, quan tâm đến những vấn đề thiết thực nhất của lao động sản xuất và sinh hoạt hằng ngày. Điều đó giúp chúng ta hiểu thêm xu hướng xã hội học ở Nguyễn Thông, cũng như ở mọi người trí thức chân chính.